

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
về phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021 - 2025,
định hướng đến năm 2030

I- TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

Những năm qua, cấp uỷ Đảng, chính quyền các cấp đã ban hành, triển khai thực hiện nhiều chủ trương, chính sách, giải pháp và quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo phát triển lâm nghiệp. Cùng với sự nỗ lực, cố gắng của các cấp, các ngành, tổ chức và Nhân dân trong tỉnh, công tác bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh đạt được những kết quả quan trọng: Diện tích rừng 453.520,3 ha, đạt tỷ lệ che phủ 50,5%, tăng 41.508,05 ha (chiếm 4,1%) so với năm 2015, trong đó khoanh nuôi tái sinh thành rừng trên 31.440 ha, trồng rừng mới trên 12.000 ha với các loài cây có giá trị và cây lâm sản ngoài gỗ như Quế, Sơn tra, Lát hoa, Giổi xanh, Mắc ca,... tổ chức triển khai thực hiện tốt công tác bảo vệ diện tích rừng gắn với thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; chất lượng rừng từng bước được cải thiện, các hoạt động bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng đã góp phần đảm bảo an ninh nguồn nước, tạo việc làm, tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo, góp phần đáng kể vào công cuộc xây dựng nông thôn mới, bảo đảm quốc phòng - an ninh.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh vẫn còn một số hạn chế như: Diện tích và tỷ lệ che phủ rừng còn thấp so với yêu cầu phòng hộ đầu nguồn Sông Đà; chất lượng các loại rừng chưa cao; một số diện tích rừng vẫn bị mất hàng năm do cháy rừng, phá rừng, lấn chiếm đất rừng làm nương rẫy; rừng trồng sản xuất phát triển còn chậm, tỷ lệ rừng trồng chưa thành rừng còn cao; chính sách đầu tư, hỗ trợ trồng rừng còn thấp, chưa khuyến khích được người dân và doanh nghiệp tham gia; tình trạng vi phạm pháp luật trong lĩnh vực lâm nghiệp vẫn còn xảy ra; nguyên liệu rừng trồng chủ yếu là gỗ nhỏ và lâm sản ngoài gỗ, chế biến lâm sản chưa phát triển, thị trường tiêu thụ chưa phong

phú; công tác giao rừng, phân định ranh giới rừng chưa được thực hiện; hạ tầng lâm sinh kém phát triển.

Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế là do nhận thức về vị trí, vai trò của rừng cũng như công tác bảo vệ và phát triển rừng của một bộ phận người dân còn hạn chế; công tác lãnh đạo, chỉ đạo về bảo vệ và phát triển rừng của cấp ủy, chính quyền cơ sở một số nơi chưa thực sự quyết liệt. Điều kiện sản xuất lâm nghiệp của tỉnh còn nhiều khó khăn, địa hình hiểm trở chia cắt phức tạp, độ dốc lớn, giao thông đi lại không thuận lợi, dân cư phân tán; nguồn lực của tỉnh còn hạn chế trong khi nhu cầu vốn thực hiện công tác bảo vệ và phát triển rừng lớn, đặc biệt là đầu tư hệ thống hạ tầng lâm sinh, hỗ trợ người dân trồng rừng với các loài cây gỗ lớn có giá trị, các công trình phục vụ công tác phòng cháy và chữa cháy rừng; thời tiết nắng nóng, hanh khô kéo dài, mùa mưa ngắn làm ảnh hưởng đến tiến độ trồng rừng, sinh trưởng và phát triển rừng trồng; cơ chế, chính sách khuyến khích bảo vệ và phát triển rừng chưa đáp ứng với yêu cầu thực tế, định mức đầu tư hỗ trợ trồng rừng còn thấp; những giải pháp để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về đất đai cho các tổ chức, cá nhân tham gia trồng rừng còn thiếu đồng bộ.

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Rừng được quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững về diện tích và chất lượng, đảm bảo hài hòa các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo tồn đa dạng sinh học, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng, giá trị dịch vụ môi trường rừng và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Phát triển rừng bền vững dựa trên nguyên tắc phát triển toàn diện và đồng bộ các hoạt động quản lý, bảo vệ, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng, trồng rừng, khai thác, chế biến, thương mại lâm sản, dịch vụ môi trường rừng, phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí,... gắn với tạo sinh kế, nâng cao thu nhập cho người dân vùng có rừng trên cơ sở huy động mọi nguồn lực xã hội để đầu tư, bảo vệ và phát triển, khai thác và hưởng lợi từ rừng, góp phần tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm, giảm nghèo và bảo vệ môi trường sinh thái.

- Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, lâu dài của cả hệ thống chính trị; trong đó, cấp ủy, chính quyền địa

phương, cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cộng đồng dân cư và Nhân dân nơi có rừng, đặc biệt là chủ rừng giữ vai trò nòng cốt.

- Tăng cường sự giám sát của người dân, cộng đồng dân cư, toàn thể Nhân dân, các cơ quan thông tin đại chúng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Tạo chuyển biến căn bản trong nhận thức, hành động của các cấp ủy đảng, chính quyền, hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và toàn xã hội về vai trò quan trọng của việc bảo vệ và phát triển rừng. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững về kinh tế, xã hội và môi trường. Thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy rừng, đấu tranh ngăn chặn, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp. Bảo vệ rừng gắn với cung ứng, chi trả dịch vụ môi trường rừng, hỗ trợ người dân và thu hút các doanh nghiệp tham gia đầu tư phát triển rừng gắn với chế biến và thương mại lâm sản, du lịch sinh thái, từng bước gia tăng giá trị ngành lâm nghiệp trong tổng giá trị sản phẩm ngành nông nghiệp; tạo việc làm, giảm nghèo, cải thiện sinh kế cho người dân làm nghề rừng gắn với xây dựng nông thôn mới, góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia.

2.2. Mục tiêu cụ thể

a). Giai đoạn 2021-2025

- Tập trung quản lý, bảo vệ tốt 453.520,3 ha rừng hiện có và diện tích rừng tăng thêm hàng năm gắn với cung ứng và chi trả dịch vụ môi trường rừng; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên trên 35.300 ha; trồng mới khoảng 15.000 ha rừng, trong đó: Rừng phòng hộ, đặc dụng 1.000 ha, rừng sản xuất và cây phân tán 14.000 ha (*cây Quế 5.000 ha; cây gỗ lớn 8.500 ha; cây phân tán khoảng 500.000 cây tương đương với 500 ha*); tỷ lệ che phủ rừng đạt 54% vào năm 2025.

- Thành lập mới 01 khu rừng đặc dụng tại huyện Mường Tè; 100% các Ban Quản lý rừng phòng hộ được phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững; có 01 đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng trong rừng được phê duyệt.

- Thu hút doanh nghiệp đầu tư xây dựng từ 1 đến 2 nhà máy chế biến lâm sản. Đầu tư mở mới khoảng 150 km đường lâm nghiệp.

b). *Định hướng đến năm 2030*: Tổ chức bảo vệ diện tích rừng toàn tỉnh gắn với cung ứng và chi trả dịch vụ môi trường rừng; tiếp tục khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên khoảng 17.900 ha; trồng rừng mới, trồng lại rừng sau khai thác 20.000 ha, nâng tổng diện tích rừng trồng toàn tỉnh lên khoảng trên 40.000 ha; có từ 2 chủ rừng trở lên được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC hoặc PEFC); phấn đấu đến năm 2030 tỷ lệ che phủ rừng đạt 56%.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ trọng tâm

- Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đoàn thể chính trị - xã hội các cấp đối với công tác quản lý, bảo vệ rừng, gắn bảo vệ rừng với cung ứng và chi trả dịch vụ môi trường rừng, trách nhiệm của chủ rừng, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân được hưởng lợi từ rừng với công tác bảo vệ rừng. Tổ chức thực hiện tốt công tác phòng cháy, chữa cháy rừng với quan điểm phòng là chính; bố trí ngân sách đầu tư xây dựng, mua sắm trang thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy rừng, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác dự báo, cảnh báo cháy rừng, theo dõi tài nguyên rừng và đất lâm nghiệp. Tăng cường đấu tranh, ngăn chặn, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp; kiểm soát chặt chẽ các dự án có chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. Tổ chức điều tra, đánh giá và hoàn thiện các thủ tục thành lập khu rừng đặc dụng tại huyện Mường Tè để quản lý, bảo tồn rừng biên giới, các loài động vật, thực vật quý, hiếm; các Ban quản lý rừng phòng hộ triển khai xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững theo quy định.

- Các huyện, thành phố tập trung thực hiện khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, phát huy tối đa khả năng tái sinh, diễn thế tự nhiên để phục hồi rừng bằng các biện pháp bảo vệ, chống chặt phá, phòng cháy và chữa cháy rừng, phát dọn dây leo, cây bụi để thúc đẩy thành rừng.

- Đẩy mạnh hoạt động sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp, chủ động và đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu cây giống trồng rừng mới tại tỉnh. Quản lý chặt chẽ việc thực hiện các tiêu chuẩn kỹ thuật trong sản xuất, đảm bảo cây giống

đạt chất lượng tốt, truy xuất được nguồn gốc và giám sát được chuỗi hành trình; tập trung sản xuất giống các loài cây trồng theo định hướng phát triển của tỉnh, đạt năng suất cao, kháng bệnh tốt để phục vụ công tác phát triển lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Đầu tư trồng mới rừng phòng hộ, đặc dụng tại các huyện Tân Uyên, Phong Thổ, Sìn Hồ, Nậm Nhùn và Mường Tè với các loài cây bản địa, cây lâm sản ngoài gỗ. Thu hút, hỗ trợ các doanh nghiệp, Hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân tham gia đầu tư trồng rừng sản xuất gỗ lớn, cây Quế, tạo vùng nguyên liệu tập trung gắn với chế biến lâm sản, nâng cao giá trị kinh tế từ rừng trồng tại các huyện Than Uyên, Tân Uyên, Phong Thổ, Sìn Hồ, Nậm Nhùn và Mường Tè. Triển khai trồng mới cây phân tán trên địa bàn các huyện, thành phố tại ven hệ thống đường nông thôn mới, khuôn viên trường học, trụ sở cơ quan nhà nước,... để tạo cảnh quan, bảo vệ môi trường sinh thái gắn với xây dựng nông thôn mới.

- Khuyến khích thu hút doanh nghiệp đầu tư xây dựng nhà máy chế biến lâm sản gắn với khai thác rừng trồng sản xuất đến chu kỳ khai thác. Tổ chức cho thuê môi trường rừng gắn du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng; nghiên cứu thực hiện thí điểm cho thuê môi trường rừng trên diện tích đất rừng phòng hộ để nuôi trồng, phát triển cây dược liệu.

- Đầu tư nguồn lực phát triển hạ tầng đường lâm nghiệp phục vụ vùng trồng rừng gỗ lớn.

2. Các giải pháp chủ yếu

2.1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về bảo vệ và phát triển rừng

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, học tập các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; tăng cường sự giám sát của người dân, của cộng đồng, các đoàn thể Nhân dân, các cơ quan thông tin đại chúng; phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể, chính trị xã hội trong việc phổ biến, quán triệt, tuyên truyền chủ trương, chính sách, mục tiêu, nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh. Đổi mới hình thức trong công tác tuyên truyền, giáo dục để tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và mọi cá nhân đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; thấy rõ được vai

trò quan trọng của rừng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái và hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của biến đổi khí hậu.

2.2. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng

Nâng cao vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền các cấp trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, đặc biệt, trong việc xây dựng quy hoạch, kế hoạch, định hướng phát triển, tập trung nguồn lực, đồng thời, tăng cường kiểm tra, giám sát các hoạt động khai thác rừng, sản xuất trên đất lâm nghiệp. Đề cao vai trò giám sát và tham gia tích cực của người dân, người có uy tín, trưởng bản trong thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ rừng. Nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa các cấp chính quyền địa phương, chủ rừng, lực lượng kiểm lâm và cộng đồng dân cư thôn, bản để ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp. Khen thưởng kịp thời những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác quản lý và bảo vệ rừng.

2.3. Về cơ chế, chính sách và nguồn lực

- Áp dụng hiệu quả các chính sách hiện hành của Trung ương đầu tư, hỗ trợ cho công tác bảo vệ, phát triển rừng và phát triển hạ tầng lâm sinh. Tổng kết, đánh giá đối với những chính sách của tỉnh hết hiệu lực năm 2020 - 2021, nghiên cứu ban hành chính sách mới đủ mạnh trên cơ sở kế thừa những chính sách có hiệu quả và bổ sung những chính sách đặc thù mới nhằm thực hiện hỗ trợ tốt mục tiêu phát triển rừng.

- Thực hiện lồng ghép nguồn sự nghiệp hỗ trợ từ các chương trình mục tiêu của Chính phủ và vốn ngân sách tỉnh để tập trung đầu tư, hỗ trợ thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra trong giai đoạn tới. Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh để khuyến khích thu hút doanh nghiệp, Hợp tác xã đầu tư vào phát triển rừng trồng sản xuất gỗ lớn, cây Quế.

2.4. Về đất đai

- Tích hợp nội dung về lâm nghiệp vào Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch lâm nghiệp cấp quốc gia. Khuyến khích tích tụ đất đai để tạo các vùng rừng trồng nguyên liệu gỗ lớn tập trung, liền vùng, liền khoảnh.

- Rà soát, điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho Ban Quản lý rừng phòng hộ, các doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư sử dụng vào mục đích phát triển lâm nghiệp theo định hướng quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững.

2.5. Phát triển nguồn nhân lực

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ và phát triển rừng thông qua đào tạo bồi dưỡng cán bộ quản lý các cấp, đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ thuật cho các địa phương.

- Xây dựng và thực hiện các chương trình đào tạo lao động tại chỗ, ngắn hạn và khuyến lâm để đáp ứng công tác bảo vệ, phát triển rừng, khai thác, chế biến, gắn việc đào tạo với nhu cầu của doanh nghiệp và xã hội.

2.6. Về kỹ thuật và khoa học công nghệ

- Đầu tư trang thiết bị hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phòng cháy, chữa cháy rừng, theo dõi tài nguyên rừng và đất lâm nghiệp. Tiếp tục đào tạo nâng cao năng lực vận hành và sử dụng các phần mềm, thiết bị chuyên dụng, hệ thống thông tin chuyên ngành trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

- Ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến trong sản xuất giống đảm bảo chất lượng, ổn định. Lựa chọn cây trồng sản xuất gỗ lớn, cây đặc sản, cây đa mục đích có giá trị kinh tế cao phù hợp với điều kiện đất đai, sinh thái của tỉnh.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị tổ chức quán triệt, phổ biến Nghị quyết này đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân; xây dựng chương trình, kế hoạch, đề án cụ thể để thực hiện.

2. Đảng đoàn HĐND tỉnh lãnh đạo HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết, các cơ chế, chính sách, bố trí ngân sách để thực hiện Nghị quyết này và giám sát việc thực hiện.

3. Ban Cán sự đảng UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh ban hành Đề án, chương trình, kế hoạch cụ thể để thực hiện Nghị quyết này; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện với Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

4. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các ban đảng tỉnh tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

5. Văn phòng Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các ban đảng tỉnh theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện, báo cáo Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

Nghị quyết này phổ biến đến các tổ chức đảng, đảng viên và Nhân dân trong tỉnh để thực hiện.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (B/c),
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Các ban xây dựng Đảng Trung ương,
- Các ban đảng, cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh,
- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Các cơ quan thông tin, báo chí,
- Các đ/c Tỉnh ủy viên,
- Lưu VPTU.

**T/M BAN CHẤP HÀNH
BÍ THƯ**



Giảng Páo Mỹ